

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/ST-HNGĐ

Ngày 28/3/2025

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên tòa: Bà Văn Đoàn Văn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST – HNGĐ ngày 19/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quyết Thị X, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu 9, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 9, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn chị Quyết Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Mạnh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2008 tại UBND xã Đồng Luận (nay là xã Đ), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường

xuyên cãi vã và xung đột; nguyên nhân là lo bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách sống; vì vậy, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không bảo ban được nhau, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên sống ly thân từ khoảng giữa năm 2024 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Mạnh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 3 con chung là cháu Trần Bảo Đại, sinh ngày 26/6/2009, cháu Trần T Dương, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Trần Quỳnh Chi, sinh ngày 17/8/2019. Hiện nay, cả ba con chung đang ở với chị. Khi ly hôn, chị X xin được trực tiếp nuôi cả 3 (ba) con chung, bởi vì anh T không có trách nhiệm gì với con chung nhiều tháng nay, không đóng góp tài chính kinh tế gì để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị X yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 con chung, tổng tiền cấp dưỡng là 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng)/01 tháng/03 con chung, kể từ tháng 3/2025 đến khi con chung thành niên.

Hiện nay, chị X đang có công việc và thu nhập ổn định, chị làm Tổ trưởng quản lý tại Công ty TNHH Jabez Vina (KCN Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ), thu nhập bình quân là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung; Công nợ chung; cho vay; Công sức đóng góp: Chị xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn - Anh Trần Mạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và thời gian kết hôn như chị X trình bày là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc một thời gian, nhưng do bất đồng quan điểm sống và cách sống mà phát sinh mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân một thời gian nhưng anh vẫn thuyết phục chị X và hoà giải với nhau nhiều lần để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, nhưng chị X không đồng ý. Nay chị X yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị X kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 3 con chung là cháu Trần Bảo Đại, sinh ngày 26/6/2009, cháu Trần T Dương, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Trần Quỳnh Chi, sinh ngày 17/8/2019. Hiện nay, cả ba con chung đang ở với chị X. Nếu ly hôn, anh T xin được trực tiếp nuôi cả 3 (ba) con chung, nếu không được trực tiếp nuôi cả 3 con chung thì anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần T

Dương. Anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay, anh T đang làm lao động tự do thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ (Mười triệu/tháng) và sẽ nộp tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập cho Tòa án ngày 10/3/2025.

Về tài sản chung; Công nợ chung; cho vay; Công sức đóng góp: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, hai đương sự không trình bày gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy phát biểu quan điểm:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đủ; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quyết Thị X được ly hôn anh Trần Mạnh T.
- Về con chung: Giao cho chị Quyết Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung Trần Bảo Đại, sinh ngày 26/6/2009, Trần T Dương, sinh ngày 11/4/2016 và Trần Quỳnh Chi, sinh ngày 17/8/2019, kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên. Anh Trần Mạnh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là

Anh Trần Mạnh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Quyết Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công bố tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Quyết Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Trần Mạnh T, đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35, Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chỉ đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải một lần, nhưng hai bên chỉ thuận tình ly hôn và thống nhất về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp; không thống nhất được về con chung. Tuy nhiên, Tòa án tiếp tục thông báo mở phiên họp và hoà giải thì anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết theo thủ tục tố tụng chung.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quyết Thị X và anh Trần Mạnh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2008 tại UBND xã Đồng Luận (nay là xã Đ), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã và xung đột; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách sống; vì vậy, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không bảo ban được nhau, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên sống ly thân từ khoảng giữa năm 2024 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Mạnh T.

Anh T cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống và cách sống nên không có tiếng nói chung. Hai bên đã sống ly thân một thời gian nhưng anh vẫn thuyết phục chị X và hoà giải với nhau nhiều lần để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, nhưng chị X không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị X kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên thống nhất thuận tình ly hôn thì cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị X và anh T có 03 con chung là Trần Bảo Đại, sinh ngày 26/6/2009, Trần T Dương, sinh ngày 11/4/2016 và Trần Quỳnh Chi, sinh ngày 17/8/2019. Khi ly hôn, chị X xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc

và giáo dục cả ba con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.300.000đ/01 con chung/tháng, tổng tiền cấp dưỡng là 3.900.000đ/03 con chung/tháng; phía anh T trình bày anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, nếu không được trực tiếp nuôi cả ba con chung thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần T Dương và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét thấy, từ khi anh T và chị X sống ly thân đến nay, cả ba con chung đều đang sinh sống cùng chị X, có cuộc sống sinh hoạt và học tập ổn định, chị X có công việc, thu nhập và chỗ ở đảm bảo cho cuộc sống cho các cháu. Anh T mặc dù có quan điểm về việc xin trực tiếp nuôi con chung, nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thu nhập và chỗ ở để đảm bảo cuộc sống và học tập của các con chung. Trong khi đó, các con chung của anh T và chị X đều đang ở độ tuổi dậy thì, đang đi học cùng địa bàn xã Đ, huyện Thanh Thủy và có thể hỗ trợ nhau học tập, các cháu cần có cuộc sống ổn định về nơi ở và khả năng duy trì việc học tập đầy đủ. Xét thấy yêu cầu trực tiếp nuôi cả ba con chung của chị X là chính đáng, vì vậy, cần xử giao cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba con chung và anh Trần Mạnh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị Quyết Thị X và anh Trần Mạnh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết, tuy nhiên sau ly hôn nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quyết Thị X phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Quyết Thị X và anh Trần Mạnh T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Quyết Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ba con chung là Trần Bảo Đại, sinh ngày 26/6/2009, Trần T Dương, sinh ngày 11/4/2016 và Trần Quỳnh Chi, sinh ngày 17/8/2019; kể từ khi kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên, anh Trần Mạnh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X số tiền là 1.300.000đ/01 con chung/01 tháng, tổng tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 3.900.000đ/03 con chung/01 tháng, kể từ đến khi con chung thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, cho vay, công sức đóng góp: Chị Quyết Thị X và anh Trần Mạnh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết, sau ly hôn nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quyết Thị X tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Quyết Thị X đã nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/2023/0003966 ngày 19/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Viết Tú

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 07 giờ 45 phút, ngày 16 tháng 9 năm 2024;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Viết Tú;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh; Ông Nguyễn Thành Lâm.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 85/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình” theo quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐHPT- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Hoan, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu 1, TT. Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Lê Văn Ngọc, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 1, TT. Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

(Chị Hoan có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ngọc vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, công bố tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Về nội dung: Xử: Cho chị Nguyễn Thị Thanh Hoan được ly hôn anh Lê Văn Ngọc.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh Hoan trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 (hai) con chung là Lê Thu Hà, sinh ngày 16/8/2013 và cháu Lê Thị Nhật Lệ, sinh ngày 02/11/2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngọc không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Hoan tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm gặp con chung của anh Ngọc.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp cho bên chồng hoặc vợ: Đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Hoan phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hoan đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023/0003867 ngày 23/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ chuyển thành án phí.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 07 giờ 55 phút, ngày 16 tháng 9 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Viết Tú

